TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MANG THÍT** TỈNH VĨNH LONG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 03 – 10 – 2019 .
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Công Hảo

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Thanh

2. Ông Nguyễn Văn Phẩm

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Mai Phụng, Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Mang Thít.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít : Không tham dự phiên tòa.

Ngày 03 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 180/2019/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 6 năm 2019; Về việc: *" Xin ly hôn, nuôi con chung "* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1987

Địa chỉ: Ấp P, xã A, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp P, xã A, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 6 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Nguyên vào năm 2005 chị N, anh H được cha, mẹ hai bên chấp thuận nên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, sống chung từ đó cho đến nay có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A ngày 15/3/2005.

Sau khi cưới nhau vợ, chồng sống chung tại ấp P, xã A, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc và sinh được hai con chung là Nguyễn Bích K, sinh ngày 04/4/2005; Nguyễn Hữu L, 13/5/2007, hiện nay sống chung với anh H. Năm 2018 thì vợ, chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẩn và kéo dài cho đến nay đã ly thân không đoàn tựu lại, nguyên nhân do vợ, chồng bất đồng quan điểm, không hợp nhau. Nay cảm thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên chị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

-Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

- Về con chung: Theo nguyện vọng của 02 con chung Nguyễn Bích K, sinh ngày 04/4/2005; Nguyễn Hữu L, 13/5/2007 được sống chung với anh Nguyễn Văn H nên giao 02 con chung cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N không cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

- Về tài sản chung, về nợ: Không đặt ra, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:

Qua phần trình bày của nguyên đơn chị Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Văn H xác nhận là đúng về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ phải thu, phải trả. Đối với yêu cầu khởi kiện của chị N anh H có ý kiến như sau:

Anh Nguyễn Văn H không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Về quan hệ hôn nhân: Thừa nhận có mâu thuẩn, có hành vi bạo lực gia đình nhưng không gây thương tích, do nóng giận nên anh H có dùng mạng xã hội đăng hình ảnh vợ. Anh Nguyễn Văn H muốn cùng chị N hàn gắn hạnh phúc gia đình để cùng lo cho con.

Về con chung: Nguyễn Bích K, sinh ngày 04/4/2005, Nguyễn Hữu L, sinh ngày 13/5/2007 hiện nay đang sống với anh Nguyễn Văn H. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì anh H yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, anh H không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ phải thu, phải trả : Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Con chung cháu Nguyễn Bích K trình bày: Cháu K là con của cha Nguyễn Văn H và mẹ Nguyễn Thị N. Nếu Tòa án giải quyết cho cha mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng được sống với cha, cháu không yêu cầu mẹ cấp dưỡng.

Con chung Nguyễn Hữu L trình bày: Cháu là con của ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị N. Nếu Tòa án giải quyết cho cha mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng được sống với cha, cháu không yêu cầu mẹ cấp dưỡng.

Chứng cứ chứng minh đã cung cấp cho Tòa án và được họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ chị N xác định là đầy đủ và không cung cấp chứng cứ thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết là " Ly hôn, nuôi con chung" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; Do bị đơn có địa chỉ nơi đăng ký thường trú tại ấp P, xã A, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long nên Tòa án nhân dân huyện Mang Thít thụ lý giải quyết là đúng theo qui định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn nhưng anh H vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng qui định theo Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Năm 2005 chị N, anh H kết hôn theo phong tục tập quán, sau khi đám cưới anh, chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Vì vậy quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Xét mâu thuẫn trong đời sống hàng ngày giữa vợ, chồng hiện nay đã ly thân, do cãi nhau và anh H có hành vi bạo lực gia đình, anh H cũng đã thừa nhận từ đó chị N cương quyết ly thân và hôm nay chị N ly hôn, không đoàn tựu lại. Nên cho chị N ly hôn là có căn cứ và phù hợp với Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Sau khi cho chị N, anh H ly hôn. Giao 02 con chung Nguyễn Bích K, sinh ngày 04/4/2005; Nguyễn Hữu L, 13/5/2007 cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp nuôi dưỡng theo nguyện vọng 02 con chung, là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Anh H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi 02 con chung nên không xem xét.

[2.3] Tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn nộp án phí theo quy định tại Điều 24 và Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 235 và Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 24 và Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện cho nguyên đơn Nguyễn Thị N được ly hôn với bị đơn Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao 02 con chung Nguyễn Bích K, sinh ngày 04/4/2005; Nguyễn Hữu L, 13/5/2007 cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, anh H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xét.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N không trực tiếp nuôi con chung, có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung không ai có quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên miễn xét.

4.Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N nộp 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo lai thu số $N^0$0007079, ngày 12/6/2019 nên chị N không phải nộp thêm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 , Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Án xử công khai sơ thẩm đương sự có mặt báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND huyện MT 01b;
- THA DS huyện MT 01b;
- Phòng KTNV & THA TAT 01b;
- UBND xã A;
- Các đương sự 02bản ;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Huỳnh Công Hảo